

Số: 90/2019/QĐST-HNGĐ

Như Thanh, ngày 08 tháng 10 năm 2019.

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN
CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 77/2019/TLST/HNGĐ ngày 15 tháng 7 năm 2019, giữa:

* **Nguyên đơn**: Chị Lê Thị T - Sinh ngày 11/7/1990.

Trú tại: Thôn 2, xã X, huyện N - Thanh Hóa.

* **Bị đơn**: Anh Bùi Văn Q- Sinh ngày 15/8/1988.

Trú tại: Thôn 2, xã X, huyện N - Thanh Hóa.

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 khoản 3, 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55; 81; 82; 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 24; khoản 7 Điều 26; điểm a khoản 5; điểm a, b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 30 tháng 9 năm 2019.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 30 tháng 9 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa Chị Lê Thị T và anh Bùi Văn Q.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- **Về hôn nhân**: Chị Lê Thị T và anh Bùi Văn Q thống nhất thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Chị Lê Thị T và anh Bùi Văn Q thống nhất: Vợ chồng có 01 con chung là: Bùi Văn Gia B - Sinh ngày 29/7/2014. Hiện cháu B bị bệnh bại não.

Hai bên thỏa thuận: Khi ly hôn chị T trực tiếp nuôi cháu Bùi Văn Gia B; anh Q cấp dưỡng nuôi con chung cùng cô T mỗi tháng 1.000.000 đồng. Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 10/2019 cho đến khi cháu B đủ 18 tuổi và có khả năng lao động. Trường hợp đủ 18 tuổi nhưng cháu B vẫn không có khả năng hoặc bị hạn chế khả năng lao động thì anh Q tiếp tục cấp dưỡng theo mức trên cho đến khi chữa được bệnh và cháu B có đầy đủ khả năng lao động.

- Về tài sản và công nợ: Chị Lê Thị T và anh Bùi Văn Q thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Chị Lê Thị T và anh Bùi Văn Q thống nhất:

+ Anh Bùi Văn Q chịu 150.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con;

+ Chị Lê Thị T chịu 150.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Số tiền án phí chị T phải chịu được trừ vào tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số: AA/2018/0006263 ngày 15/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Như Thanh. Chị T được nhận lại 150.000 đồng tiền tạm ứng án phí.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./

Nơi nhận:

- VKSND Huyện Như Thanh;
- Chi cục THADS Huyện Như Thanh;
- Các đương sự;
- UBND xã H, huyện N1;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NHƯ THANH

Thẩm phán

Lê Đình Huy